

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2025/TLST - HNGĐ ngày 17/3/2025, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45a/2025/QĐXX-ST ngày 25/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐHPT-ST ngày 14/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 00, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là số nhà 00, thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Th, Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 00, thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nay là số nhà 00, thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Bùi Thị Th sống chung với nhau từ năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk

Lắk (nay là xã Ea Knuéc, tỉnh Đắk Lắk), theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, cấp ngày 21/01/2022.

Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau không hòa hợp về tình cảm, việc này kéo dài ảnh hưởng đến tâm lý của cả hai, tình cảm vợ chồng cũng theo đó mà mờ nhạt, xa cách dần. Để giải quyết việc mâu thuẫn này, vợ chồng tôi đã cố gắng hàn gắn, cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Hiện tại tôi nhận thấy vợ chồng tôi mâu thuẫn đã đến mức nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi nộp đơn đến Tòa án và có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Bùi Thị Th.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi chưa có con chung, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn bà Bùi Thị Th, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Th không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai của bà Th.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Bùi Thị Th vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị Th đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Bùi Thị Th vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt ông H, bà Th.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Bùi Thị Th.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Th không có con chung nên đề nghị HĐXX không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

+ Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đề ngày 10/02/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm ông Nguyễn Văn H khởi kiện bị đơn bà Bùi Thị Th cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Bùi Thị Th vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Bùi Thị Th, ông Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, bà Bùi Thị Th vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà Th.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Th đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, cấp ngày 21/01/2022. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông H, bà Th sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà Th dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Th. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông H, bà Th không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Bùi Thị Th là phù hợp.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Th không có con chung nên HĐXX không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình .

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn H ly hôn bà Bùi Thị Th.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Th không có con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 00 - Đắk Lắk) theo biên lai thu số 0003071 ngày 11 tháng 3 năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 00 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

